BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004	Cẩm	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
2	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004	Đạt	6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
3	2210120034	Nguyễn Thị Thanh	**Giàu**	18/06/2004		9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
4	2210120032	~~Nguyễn Thị Yến~~	~~**Linh**~~	~~23/06/2004~~				C24TC2	
5	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004	Ngân	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
6	2210120021	Nguyễn Trung	**Nghĩa**	22/03/2004	Nghĩa	6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
7	2210120044	Lâm Thị Ngọc	**Nguyên**	31/01/2004	Nguyên	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
8	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004	Nhung	10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
9	2210120027	Hà Lê Thành	**Phát**	04/05/2004		6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
10	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004	Phương	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
11	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004	Quỳnh	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
12	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004	Tân	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
13	2210120045	Phạm Thanh	**Thảo**	15/05/2004	Thảo	8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
14	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003	Thái	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
15	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003	Thông	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
16	2210120026	~~Hồ Thị Xuân~~	~~**Thùy**~~	~~04/04/2004~~				C24TC2	
17	2210120043	Nguyễn Anh	**Thư**	30/07/2003		6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	Chưa ký tên
18	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003	Tiên	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
19	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004		8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
20	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004	Trang	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
21	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004	Trang	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
22	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004		9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
23	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004		8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
24	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004	Yên	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:** 22 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ **Tỷ lệ đạt:** _____,____%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004		5,0	Năm phẩy không	C24KT2	
2	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 02 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 02 / 02 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 02 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

Ngày in: 08:04 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004	Cẩm	8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
2	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004	Đạt	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
3	2210120034	Nguyễn Thị Thanh	**Giàu**	18/06/2004		9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
4	2210120032	~~Nguyễn Thị Yến~~	~~**Linh**~~	~~23/06/2004~~				~~C24TC2~~	
5	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004	Ngân	10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
6	2210120021	Nguyễn Trung	**Nghĩa**	22/03/2004	Nghĩa	6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
7	2210120044	Lâm Thị Ngọc	**Nguyên**	31/01/2004	Nguyên	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
8	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004	Nhung	10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
9	2210120027	Hà Lê Thành	**Phát**	04/05/2004		6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
10	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004	Phương	10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
11	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004	Quỳnh	8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
12	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004	Tân	8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
13	2210120045	Phạm Thanh	**Thảo**	15/05/2004	Thảo	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
14	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003	Thái	8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
15	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003	Thông	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
16	2210120026	~~Hồ Thị Xuân~~	~~**Thùy**~~	~~04/04/2004~~				~~C24TC2~~	
17	2210120043	Nguyễn Anh	**Thư**	30/07/2003		6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	chưa ký tên
18	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003	Tiên	7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
19	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004		8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
20	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004	Trang	9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
21	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004	Trang	10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
22	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
23	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004		9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
24	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004		9,0	Chín phẩy không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 22 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:** 22 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004		6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
2	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 02 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 02 / 02 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 02 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100 , 00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

Ngày in: 08:05 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001		6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
2	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	24/4 Nợ HP
3	2210110049	Huỳnh Tống Hà Thảo	**Duyên**	14/01/2001				C24KT2	
4	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
5	2210110058	Trần Ngọc Thùy	**Duyên**	07/09/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
6	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
7	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
8	2010030033	Lương Chánh	**Hưng**	21/12/2002		8,0	Tám phẩy không	C22DDT	
9	2210110057	Nguyễn Lộc Anh	**Khoa**	13/03/2001		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
10	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
11	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
12	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
13	2210110051	Trần Bảo	**Ngân**	24/08/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
14	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
15	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
16	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
17	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002		5,0	Năm phẩy không	C22QT5	
18	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
19	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003				C24KT2	
20	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
21	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
22	2210110053	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	16/11/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
23	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
24	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
25	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
26	2210110050	Lê Thị Phương	**Trinh**	30/05/2004				C24KT2	
27	2210110042	Đào Thị Kim	**Tuyền**	06/01/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
28	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
29	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
30	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 27 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi:** 27 / 30 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày in: 14:35 12/09/2022

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

TRƯỜN

KHẢC

Ngày in: 14:35 12/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100 , 00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

Ngày in: 09:34 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023
Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001		7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
2	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	Nợ HP
3	2210110049	Huỳnh Tống Hà Thảo	**Duyên**	14/01/2001				C24KT2	
4	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
5	2210110058	Trần Ngọc Thùy	**Duyên**	07/09/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
6	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
7	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
8	2010030033	Lương Chánh	**Hưng**	21/12/2002		9,0	Chín phẩy không	C22DDT	
9	2210110057	Nguyễn Lộc Anh	**Khoa**	13/03/2001		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
10	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
11	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
12	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
13	2210110051	Trần Bảo	**Ngân**	24/08/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
14	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
15	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
16	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
17	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002		6,0	Sáu phẩy không	C22QT5	
18	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
19	2210130003	Trịnh Nam	**Thuận**	08/03/2003				C24KT2	
20	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
21	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
22	2210110053	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	16/11/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
23	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
24	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
25	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
26	2210110050	Lê Thị Phương	**Trinh**	30/05/2004				C24KT2	
27	2210110042	Đào Thị Kim	**Tuyền**	06/01/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
28	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
29	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
30	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 27 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi:** 27 / 30 .
Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày in: 14:36 12/09/2022

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Bình

TRƯỜNG
KHẢO

Ngày in: 14:35 12/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

ST	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100 , 00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

Ngày in: 09:34 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004	Anh	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004	Anh	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
3	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003	Hải	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
4	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004	Hân	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
5	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004	Hoa	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
6	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004	Huy	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
7	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/4/2004	Huyền	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
8	2210120001	Nguyễn Thành	**Khôi**	27/02/2001	Khôi	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
9	2210120004	~~Nguyễn Thị Trúc~~	~~**Linh**~~	~~16/10/2003~~				C24TC1	
10	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003	Nam	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
11	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004	Ngân	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
12	2210120003	~~Huỳnh Thị Bảo~~	~~**Ngọc**~~	~~09/07/2004~~				C24TC1	
13	2210120002	~~Lê Thị Tiền~~	~~**Nhi**~~	~~02/02/1997~~				C24TC1	
14	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003	Nhung	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
15	2210120017	~~Phan Anh~~	~~**Nhựt**~~	~~04/05/2004~~				C24TC1	
16	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001	Phương	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
17	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004	Quỳnh	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004	Sương	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
19	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004	Thu	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
20	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004	Thư	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
21	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004	Thư	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
22	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004	Thư	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
23	2210120012	Phan Thị Ngọc	**Trâm**	06/06/2004	Trâm	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
24	2210120008	Nguyễn Công	**Vinh**	22/08/2004				C24TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 05 **. Số bài thi:** 19 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004	Anh	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004	Anh	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
3	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003	Hải	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
4	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	**Hân**	20/05/2004	Hân	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
5	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004	Hoa	10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
6	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004	Huy	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
7	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	**Huyền**	12/4/2004	Huyền	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
8	2210120001	Nguyễn Thành	**Khôi**	27/02/2001	Khôi	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
9	2210120004	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	16/10/2003				C24TC1	
10	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003	Nam	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
11	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004	Ngân	10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
12	2210120003	Huỳnh Thị Bảo	**Ngọc**	09/07/2004				C24TC1	
13	2210120002	Lê Thị Tiền	**Nhi**	02/02/1997				C24TC1	
14	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003	Nhung	10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
15	2210120017	Phan Anh	**Nhựt**	04/05/2004				C24TC1	
16	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001	Phương	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
17	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004	Quỳnh	7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004	Sương	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
19	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004	Thu	8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
20	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004	Thư	10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
21	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004	Thư	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
22	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004	Thư	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
23	2210120012	Phan Thị Ngọc	**Trâm**	06/06/2004	Trâm	9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
24	2210120008	Nguyễn Công	**Vinh**	22/08/2004				C24TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 05 **. Số bài thi:** 19 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	An	29/03/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	Anh	07/06/2003		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	Anh	26/12/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
4	2210110026	Trần Thị Ngọc	Duyên	15/05/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
5	2210110005	Trần Thị Bích	Hằng	22/08/2002		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
6	2210110010	Lê Thị Ngọc	Hiền	14/07/2003		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
7	2210110001	Nguyễn Thúy	Hiền	17/11/2002		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
8	2210110004	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	18/02/2000		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
9	2210110027	Nguyễn Thị	Hoàn	28/12/2000		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
10	2210110034	Nguyễn Minh	Hoàng	29/09/2002		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
11	2210110032	Nguyễn Thúy	Huỳnh	31/10/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
12	2210110021	Dương Thị Diễm	Kiều	20/09/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
13	2210110022	Dương Thị Trúc	Linh	31/12/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
14	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	My	31/10/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
15	2210110028	Trần Thanh	Ngân	21/09/2024		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
16	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	Nghi	2/08/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
17	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	Nghi	15/10/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
18	2210110009	Lê Trung	Nghĩa	04/10/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
19	~~2210110019~~	~~Huỳnh Đặng Mỹ~~	~~Ngọc~~	~~29/07/2004~~				~~C24KT1~~	
20	2210110013	Võ Ngọc Thảo	Nhi	28/05/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
21	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	07/02/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
22	2210110030	Đồng Lê Uyên	Phương	25/07/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
23	2210110006	Nguyễn Duy	Quang	16/07/2000		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
24	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	07/12/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
25	~~2210110031~~	~~Lê Thảo~~	~~Sương~~	~~06/01/2004~~				~~C24KT1~~	
26	2210110017	Đặng Minh	Thi	31/10/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
27	~~2210100073~~	~~Mai Anh~~	~~Thư~~	~~08/03/2004~~				~~C24KT1~~	
28	2210110020	Trần Thị Cẩm	Tiên	05/03/2004		6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
29	2210110011	Trần Thị Ngọc	Trang	29/07/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
30	2210110025	Ngô Quế	Trân	15/02/2001		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
31	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11/08/2002		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
32	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	Trinh	28/04/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
33	~~2210110008~~	~~Dương Thị Hướng~~	~~Vương~~	~~10/09/2002~~				~~C24KT1~~	
34	2210110024	Nguyễn Hùng	Vương	21/03/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	

Ngày in: 14:42 12/09/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 31 **vắng thi:** 04 **. Số bài thi:** 31 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%** 31

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Dạ

TRƯỜNG KHẢO

Ngày in: 14:42 12/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	An	29/03/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	Anh	07/06/2003		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	Anh	26/12/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
4	2210110026	Trần Thị Ngọc	Duyên	15/05/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
5	2210110005	Trần Thị Bích	Hằng	22/08/2002		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
6	2210110010	Lê Thị Ngọc	Hiền	14/07/2003		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
7	2210110001	Nguyễn Thúy	Hiền	17/11/2002		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
8	2210110004	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	18/02/2000		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
9	2210110027	Nguyễn Thị	Hoàn	28/12/2000		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
10	2210110034	Nguyễn Minh	Hoàng	29/09/2002		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
11	2210110032	Nguyễn Thúy	Huỳnh	31/10/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
12	2210110021	Dương Thị Diễm	Kiều	20/09/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
13	2210110022	Dương Thị Trúc	Linh	31/12/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
14	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	My	31/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
15	2210110028	Trần Thanh	Ngân	21/09/2024		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
16	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	Nghi	2/08/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	→ dừng đi lại
17	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	Nghi	15/10/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
18	2210110009	Lê Trung	Nghĩa	04/10/2004		9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
19	~~2210110019~~	~~Huỳnh Đặng Mỹ~~	~~Ngọc~~	~~29/07/2004~~				~~C24KT1~~	
20	2210110013	Võ Ngọc Thảo	Nhi	28/05/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
21	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	07/02/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
22	2210110030	Đồng Lê Uyên	Phương	25/07/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
23	2210110006	Nguyễn Duy	Quang	16/07/2000		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
24	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	07/12/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
25	~~2210110031~~	~~Lê Thảo~~	~~Sương~~	~~06/01/2004~~				~~C24KT1~~	
26	2210110017	Đặng Minh	Thi	31/10/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
27	~~2210100073~~	~~Mai Anh~~	~~Thư~~	~~08/03/2004~~				~~C24KT1~~	
28	2210110020	Trần Thị Cẩm	Tiên	05/03/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
29	2210110011	Trần Thị Ngọc	Trang	29/07/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
30	2210110025	Ngô Quế	Trân	15/02/2001		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
31	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11/08/2002		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
32	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	Trinh	28/04/2004		10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
33	2210110008	~~Dương Thị Hướng~~	~~Vương~~	~~10/09/2002~~				~~C24KT1~~	
34	2210110024	Nguyễn Hùng	Vương	21/03/2004		8,0	Tám phẩy không	C24KT1	

Ngày in: 14:43 12/09/2022

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004		7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 31 **vắng thi:** 04 **. Số bài thi:** 31 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

TRƯỜNG CĐ
P
KHẢO T

Ngày in: 14:43 12/09/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023
Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh
Ngày thi: 05/10/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: SAN2**

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
2	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
3	2210120027	Hà Lê Thành	**Phát**	04/05/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
4	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
5	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
6	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
7	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24TC2	
8	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
9	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
10	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
11	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
12	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
13	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004			5,0	Năm phẩy không	C24TC2	
14	2210120045	Phạm Thanh	**Thảo**	15/05/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
15	2010100161	Phạm Thị Thu	**Thảo**	11/02/2002			5,0	Năm phẩy không	C22QT5	
16	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003			8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
17	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
18	2210110017	Đặng Minh	**Thi**	31/10/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
19	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003			8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
20	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
21	~~2210120026~~	~~Hồ Thị Xuân~~	~~**Thùy**~~	~~04/04/2004~~					~~C24TC2~~	
22	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
23	~~2210100073~~	~~Mai Anh~~	~~**Thư**~~	~~08/03/2004~~					~~C24KT1~~	
24	~~2210120043~~	~~Nguyễn Anh~~	~~**Thư**~~	~~30/07/2003~~					~~C24TC2~~	
25	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
26	2210110053	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	16/11/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24KT2	
27	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
28	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
29	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24TC1	
30	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003			6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
31	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004			5,0	Năm phẩy không	C24KT1	
32	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004			8,0	Tám phẩy không	C24TC2	

0

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
34	2210110046	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	04/03/2003			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
35	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004			8,0	Tám phẩy không	C24TC2	
36	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
37	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998			8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
38	2210120012	Phan Thị Ngọc	**Trâm**	06/06/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
39	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004			9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
40	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
41	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
42	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
43	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
44	2210110042	Đào Thị Kim	**Tuyền**	06/01/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
45	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
46	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
47	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
48	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
49	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
50	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
51	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 48 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi/Số tờ:** 48 / 51 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

48

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023
Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh
Ngày thi: 05/10/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: SAN1**

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	An	29/03/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	Anh	07/06/2003			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	Anh	26/12/2004			7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
4	2210100131	Nguyễn Trang	Anh	09/11/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24TC1	
5	2210110062	Phạm Hà Tú	Anh	13/12/2001			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
6	2210120011	Trần Thị Loan	Anh	30/11/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
7	2210110038	Thái Thị Hoài	Ân	17/01/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	Nợ HP
8	2210120024	Nguyễn Thị	Cẩm	19/09/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
9	2210110055	Lâm Thị Ngọc	Duyên	17/04/2003			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
10	2210110058	Trần Ngọc Thùy	Duyên	07/09/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
11	2210110026	Trần Thị Ngọc	Duyên	15/05/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
12	2210120029	Trần Thành	Đạt	24/04/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
13	2210120034	Nguyễn Thị Thanh	Giàu	18/06/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC2	
14	2210100015	Trần Thị Hồng	Hải	05/05/2003			8,0	Tám phẩy không	C24TC1	→ đúng: 8đ
15	2210110005	Trần Thị Bích	Hằng	22/08/2002			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
16	2210120020	Lê Huỳnh Ngọc	Hân	20/05/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
17	2210110010	Lê Thị Ngọc	Hiền	14/07/2003			7,0	Bảy phẩy không	C24KT1	
18	2210110001	Nguyễn Thúy	Hiền	17/11/2002			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
19	2210110059	Khương Nhất	Hiếu	11/05/2001			5,0	Năm phẩy không	C24KT2	
20	2210110004	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	18/02/2000			5,0	Năm phẩy không	C24KT1	
21	2210120019	Vương Quỳnh	Hoa	27/06/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
22	2210110027	Nguyễn Thị	Hoàn	28/12/2000			9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
23	2210110034	Nguyễn Minh	Hoàng	29/09/2002			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
24	2210100123	Đặng Tấn	Huy	14/06/2004			8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
25	2210110043	Lê Gia	Huy	08/01/2004			8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
26	2210120006	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	12/04/2004			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
27	2210110032	Nguyễn Thúy	Huỳnh	31/10/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
28	2010030033	Lương Chánh	Hưng	21/12/2002			8,0	Tám phẩy không	C22DDT	
29	2210110057	Nguyễn Lộc Anh	Khoa	13/03/2001			8,0	Tám phẩy không	C24KT2	
30	2210120001	Nguyễn Thành	Khôi	27/02/2001			8,0	Tám phẩy không	C24TC1	
31	2210110021	Dương Thị Diễm	Kiều	20/09/2004			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
32	2210110022	Dương Thị Trúc	Linh	31/12/2004			9,0	Chín phẩy không	C24KT1	

0

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
34	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT2	
35	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
36	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004			10,0	Mười phẩy không	C24KT1	
37	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003			10,0	Mười phẩy không	C24TC1	
38	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004			9,0	Chín phẩy không	C24KT2	
39	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	
40	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
41	2210110051	Trần Bảo	**Ngân**	24/08/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
42	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004			5,0	Năm phẩy không	C24KT1	
43	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
44	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT1	
45	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004			8,0	Tám phẩy không	C24KT1	
46	2210120021	Nguyễn Trung	**Nghĩa**	22/03/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24TC2	
47	~~2210110019~~	~~Huỳnh Đặng Mỹ~~	~~**Ngọc**~~	~~29/07/2004~~					~~C24KT1~~	ký nhầm
48	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004			6,0	Sáu phẩy không	C24KT2	
49	2210120044	Lâm Thị Ngọc	**Nguyên**	31/01/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
50	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004			9,0	Chín phẩy không	C24KT1	
51	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004			9,0	Chín phẩy không	C24TC2	
52	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003			9,0	Chín phẩy không	C24TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 51 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 51 / 52 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

51

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Dat

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023
Mã lớp học phần: MH110902302 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Lê Thanh Danh - (09003)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004			5,0	Năm phẩy Không	C24KT2	
2	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004			8,0	Tám phẩy Không	C24TC2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 02 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi/Số tờ:** 02 / 02 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 02 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thanh Danh

Ngày in: 09:34 06/10/2022